

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của các nhóm ngân hàng, bán lẻ với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

CTR, DCM

[Cập nhật công ty]

PC1, TCB

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục, có thể thực hiện bán chốt lời từng phần và hạ tỷ trọng các vị thế trading khi chỉ số tiếp cận vùng cản kế tiếp quanh 1300 (+-10)

15/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,263.78	-0.04
VN30	1,256.42	-0.31
HĐTL VN30F1M	1,260.00	-0.06
HNXIndex	239.54	-0.06
HNX30	522.44	-0.06
UPCoM	91.35	-0.29
USD/VND	24,735	+0.14
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.53	+2
Lãi suất qua đêm (%)	0.82	-18
Dầu (WTI, \$)	80.69	-0.70
Vàng (LME, \$)	2,168.22	+0.28



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,263.78 (-0.04%)
KLGD (triệu CP) 1,008.8 (+4.9%)
GTGD (triệu US\$) 1,112.3 (-1.8%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của các nhóm ngân hàng, bán lẻ với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 1,311.75 tỷ đồng, tập trung tại HPG (-0.82%), VHM (-1.17%), VND (+1.07%).

HNXIndex 239.54 (-0.06%)
KLGD (triệu CP) 107.4 (-35.4%)
GTGD (triệu US\$) 89.8 (-35.7%)

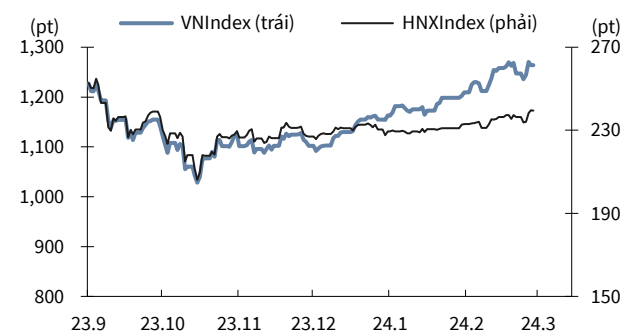
Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 2 đạt 562,943 tấn với trị giá hơn 373 triệu USD, tăng 9.9% về lượng và tăng 3.1% về kim ngạch so với tháng trước. Cổ phiếu ngành thực phẩm tăng giá ở PAN (+3.14%), BAF (+0.18%).

UPCoM 91.35 (-0.29%)
KLGD (triệu CP) 53.9 (+2.5%)
GTGD (triệu US\$) 21.7 (-4.5%)

Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su giao kỳ hạn tháng 4/2024 tăng 1.46% lên mức 348 yen/kg tại thời điểm khảo sát vào lúc 6h00 (giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành cao su tăng giá ở GVR (+5.49%), PHR (+4.07%).

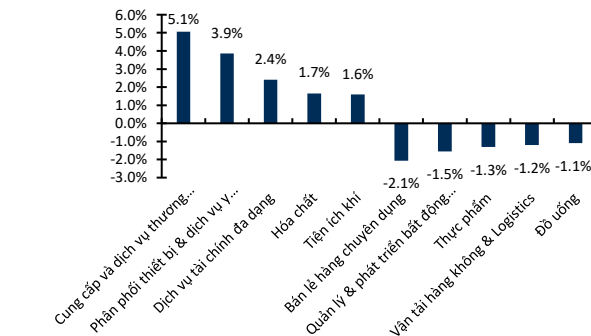
NDTTN mua ròng (triệu US\$) -54.5

VNIndex & HNXIndex



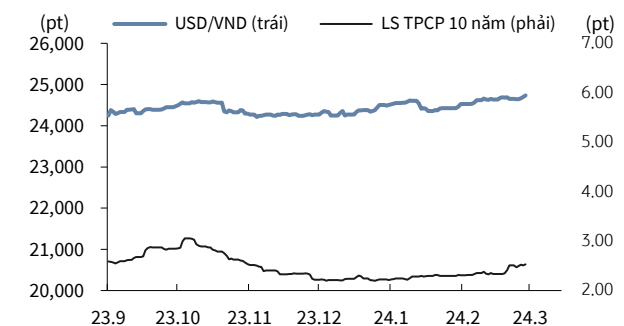
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



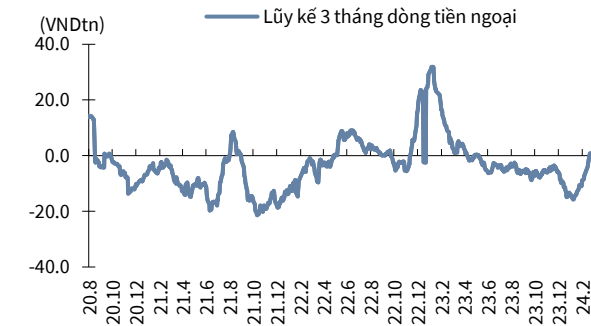
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

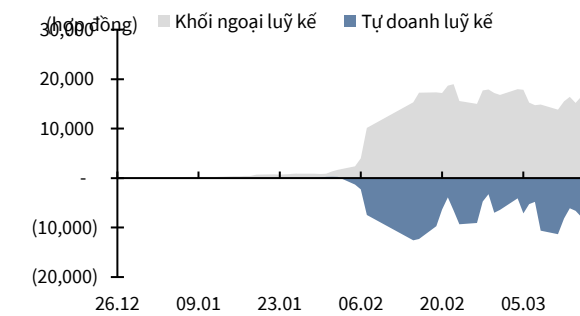
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,256.42 (-0.31%)
VN30F1M	1,260.0 (-0.06%)
Mở cửa	1,257.1
Cao nhất	1,268.0
Thấp nhất	1,241.3
KLGD (HĐ)	300,914 (+17.7%)

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa tại -2.3 điểm, sau đó biến động quanh mức -0.21 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 3.58 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

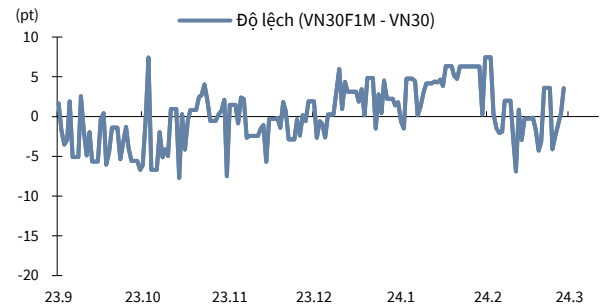
Khối ngoại mua ròng 1,264 HĐTL VN30F2403 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 16,464 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 1,237 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 7,865 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



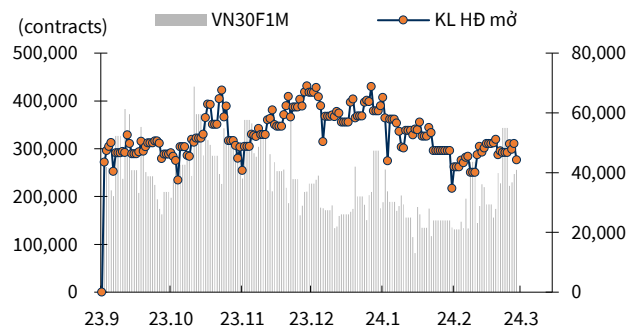
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



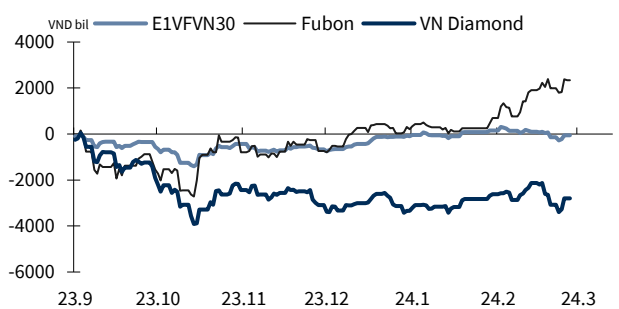
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

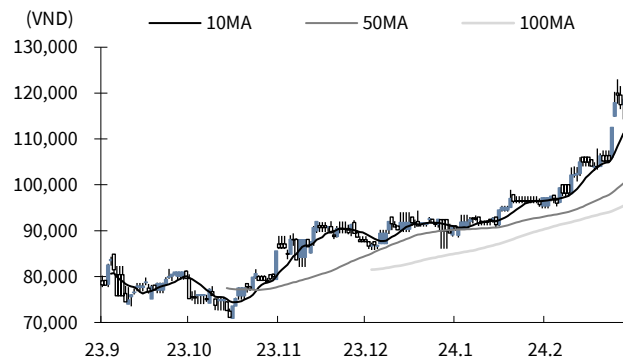
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng CTCP Công trình Viettel (CTR)

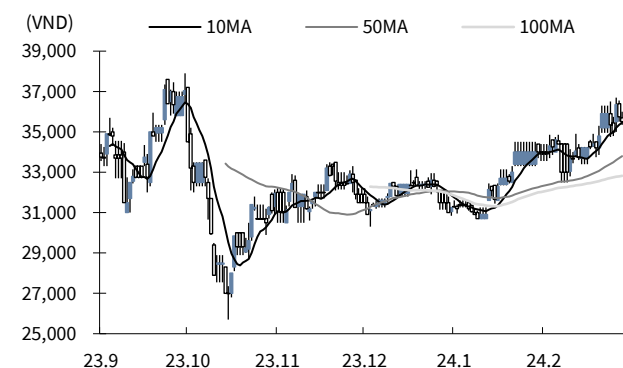


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTR tăng 0.85% lên 118,500 VND/cp

- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (CTR) vừa công bố kết quả kinh doanh ước tính tháng 2/2024 với doanh thu 834 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ 2023. Lợi nhuận trước thuế giảm 4% so với cùng kỳ về 44.6 tỷ đồng. Cả hai chỉ tiêu đều là kết quả thấp nhất kể từ tháng 4/2023. Thông tin thêm, Tết Nguyên đán năm nay diễn ra trong tháng 2, trong khi cùng kỳ rơi vào tuần cuối tháng 1. Lũy kế hai tháng đầu năm, Viettel Construction ước đạt 1,703 tỷ đồng doanh thu và 94.3 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, lần lượt tăng trưởng 9% và 6% so với cùng kỳ 2023. Với kết quả này, công ty đã thực hiện 13% kế hoạch doanh thu và 14% mục tiêu lợi nhuận năm 2024.

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DCM giảm 0.7% về 35,500 VND/cp

- Đại diện DCM cho biết, New Zealand và Australia là hai thị trường sẵn sàng mua phân bón ure hạt đục với giá rất cao so với các nước khác nhưng lại có những yêu cầu khắt khe về chất lượng hàng hóa. Vì vậy, từ đầu năm 2024 đến nay, cùng với việc tập trung nhân lực chuẩn bị cho lô hàng chất lượng cao này, công ty đã từng bước cải thiện chất lượng các khâu từ dịch vụ vận chuyển, bốc xếp cho đến khâu hàng hóa xuất khỏi kho nhà máy, đảm bảo chất lượng hàng hóa tốt nhất, tốc độ xếp dỡ cao so với mặt bằng chung của các nhà xuất khẩu trên thế giới. Hiện DCM đang hoàn tất các thủ tục cuối cùng để được cấp phép nhập khẩu sản phẩm ure hạt đục của Phân bón Cà Mau vào thị trường Australia.



CTCP Tập đoàn PC1 (PC1)

Hồi phục và tăng tốc

15/03/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên
nguyenn1@kbsec.com.vn

LNST cổ đông công ty mẹ 2023 đạt 137 tỷ VND (-70% YoY)

Mặc dù 2 mảng mới là KCN và bán quặng Nickel đi vào hoạt động trong 2023, doanh thu mảng xây lắp và bán điện giảm lần lượt 46%/19% so với cùng kỳ khiến doanh thu tổng giảm 6% YoY. Tuy nhiên, 2 mảng kinh doanh mới với biên lãi gộp cao tăng tỷ trọng đóng góp vào doanh thu lên 17% giúp biên lãi gộp 2023 tăng 99 bps

Kỳ vọng PDP8 thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp

Với nhu cầu điện lưới gia tăng khi dòng vốn FDI gia tăng tại Việt Nam, chúng tôi kỳ vọng việc đẩy nhanh triển khai PDP8 sẽ tạo nguồn cung công việc giúp doanh thu mảng xây lắp hồi phục, tăng lần lượt 76%/4% trong 2024-2025

Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha La Nina trong 2H2024

Dữ liệu từ IRI cho thấy tình hình thủy văn có thể được cải thiện khi pha La Nina sẽ bắt đầu trong 2H2024. Chúng tôi kỳ vọng công suất thủy điện của PC1 có thể được cải thiện lên 75%/93% trong 2024-2025 giúp doanh thu tăng lần lượt 1%/12%.

Khuyến nghị MUA với PC1, giá mục tiêu 34,200 VND/cổ phiếu

Với các luận điểm trên, chúng tôi khuyến nghị MUA với cổ phiếu PC1, giá mục tiêu 34,200 VND/cổ phiếu, tương đương với mức lợi nhuận kỳ vọng 19% so với giá đóng cửa ngày 15/03/2024

MUA duy trì

Giá mục tiêu	VND 34,200
Tăng/giảm	19%
Giá hiện tại (15/03/2024)	VND 29,100
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 31,000
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	0.90/0.36

Dữ liệu giao dịch

Tỉ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng (%)	73%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	164.17/6.69
Trịnh Văn Tuấn	21.4%

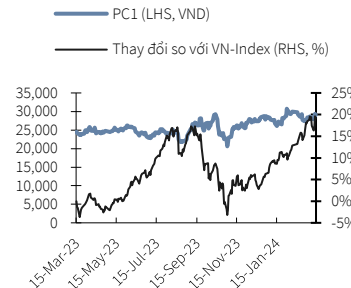
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-2.2	6.0	8.7	18.7
Tương đối	-7.3	-7.5	6.6	-0.4

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022A	2023A	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	8,333	7,803	10,121	10,691
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	638	398	672	951
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	450	137	454	690
EPS (VND)	1,664	439	1,459	2,218
Tăng trưởng EPS (%)	-44%	-74%	232%	52%
P/E (x)	12.1	66.3	19.9	13.1
P/B (x)	0.9	1.5	1.4	1.3
ROE (%)	7%	2%	6%	9%
Tỉ suất cổ tức (%)	1.5%	4.0%	0.0%	0.0%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV



Techcombank (TCB)

Chờ đợi hồi phục

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
linhpp@kbsec.com.vn

15/03/2024

Tăng trưởng tín dụng tích cực hơn sau khi đi qua giai đoạn khó khăn nhất, thị trường BĐS dần có dấu hiệu hồi phục

2024, NIM dự kiến hồi phục nhẹ trước khi có sự bứt tốc trong năm 2025

Vĩ mô cải thiện giảm bớt áp lực lên chất lượng tài sản

Khuyến nghị NẮM GIỮ, giá mục tiêu 45,200 VND/cp

Hạn mức tín dụng năm 2024 của TCB là 16%, chúng tôi cho rằng với những nỗ lực của ngân hàng trong năm 2023 khi hoàn thành mức room 19%, TCB sẽ tiếp tục có mức tăng trưởng tín dụng tích cực trong năm 2024. Trong kịch bản tích cực, KBSV kỳ vọng tín dụng tăng trưởng 21% YoY (+5% so với hạn mức hiện tại, đồng nghĩa với việc NHNN sẽ có thêm đợt cấp hạn mức cho các ngân hàng từ nay đến cuối năm).

Chúng tôi có quan điểm thận trọng về NIM của TCB sẽ hồi phục nhẹ +6bps YoY, gần như đi ngang so với năm 2023, nhưng sẽ chứng kiến sự hồi phục đáng kể trong năm 2025 do chi phí vốn (CoF) cải thiện trong khi IEA giảm nhưng với tốc độ chậm hơn. NIM năm 2025 được dự báo sẽ cải thiện đáng kể khi chính sách Flexible Pricing hết hạn.

Cho năm 2024, chúng tôi kỳ vọng nợ xấu của nhóm KHCN và SME sẽ tiếp tục suy giảm nối tiếp xu hướng từ quý 4/2023, trong khi nhóm WB vẫn duy trì chất lượng tài sản với NPL là 0%. Theo đó, NPL của ngân hàng dự kiến sẽ cải thiện 16 bps, về mức 1% trong năm 2024 (kịch bản cơ sở).

Dựa vào triển vọng hồi phục, chúng tôi nâng giá mục tiêu cho năm 2024 của cổ phiếu TCB từ 41,000 lên 45,200 VND/cp. Dù vậy, sau nhịp tăng kéo dài vừa qua những yếu tố này phần nào đã được phản ánh vào giá. Với mức lợi nhuận kỳ vọng 10% so với giá tại ngày 12/03/2024, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu TCB.

NẮM GIỮ Thay đổi

Giá mục tiêu VND 45,200

Tăng/giảm	10%
Giá mục tiêu đồng thuận	40,250
Giá hiện tại (12/03/2024)	41,200
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)/triệu USD	122.75/5.03

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	65%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)/triệu USD	295.6/12.1
Sở hữu nước ngoài (%)	22.5%
Cơ cấu cổ đông	MSN (14.96%)

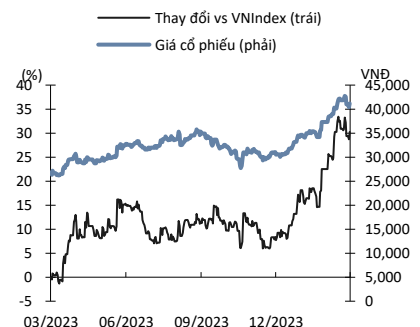
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	10.5	32.7	16.7	54.0
Tương đối	6.3	20.2	16.8	30.2

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2022	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	30,290	27,691	32,101	39,509
LN trước CF DPRTD (tỷ VND)	27,504	26,809	29,715	35,188
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	20,436	18,191	20,859	26,018
EPS (đồng/cổ phiếu)	5,729	5,111	5,853	7,296
Tăng trưởng EPS (%YoY)	11%	-11%	15%	25%
PER (x)	7.7	8.6	7.5	6.0
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	32,248	37,368	42,620	49,317
PBR (x)	1.36	1.18	1.03	0.89
ROE (%)	19.8%	14.8%	14.8%	16.1%

Nguồn: KBSV



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến điều chỉnh trong hầu hết phiên sáng, trước khi dần lấy lại đà hồi phục với các nhịp rung lắc giằng co đan xen.
- Việc chỉ số hình thành mẫu nến “Doji” chân dài cho thấy trạng thái giằng co giữa 2 phe, liên tục giành lấy vị thế áp đảo hơn. Tuy nhiên, lực cầu phần nào đã cho thấy sự suy yếu và hiệu ứng lan tỏa đã co hẹp lại trên nhóm cổ phiếu midcap, nhóm dẫn dắt chính trong những nhịp hồi phục gần nhất. Mặc dù xu hướng tăng điểm vẫn đang được bảo lưu và cơ hội hồi phục vẫn đang được để ngỏ, sự suy yếu của lực cầu và thiếu đi nhóm dẫn dắt sẽ khiến cho xác suất vượt đỉnh của VNIndex ngày càng giảm và rủi ro đảo chiều ngày càng gia tăng.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục, có thể thực hiện bán chốt lời từng phần và hạ tỷ trọng các vị thế trading khi chỉ số tiếp cận vùng cản kỹ thuật quanh 1300 (+10).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1281 – 1284

Kháng cự gần: 1269 – 1272

Hỗ trợ gần: 1249 – 1251

Hỗ trợ xa: 1239 – 1242

- F1 diễn biến rung lắc điều chỉnh trong phiên sáng, trước khi dần hồi phục trở lại trong phiên chiều
- Việc chỉ số hình thành mẫu nến “Spinning” chân dài với thanh khoản gia tăng cho thấy trạng thái giằng co giữa 2 phe, liên tục giành lấy vị thế áp đảo hơn. Mặc dù xu hướng tăng điểm vẫn đang được bảo lưu và cơ hội hồi phục vẫn đang được để ngỏ, sự suy yếu của lực cầu khi tiếp cận trở lại vùng đỉnh sẽ là một yếu tố đáng lưu ý cho rủi ro đảo chiều sau đó.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở Short tại các ngưỡng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Short tại kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

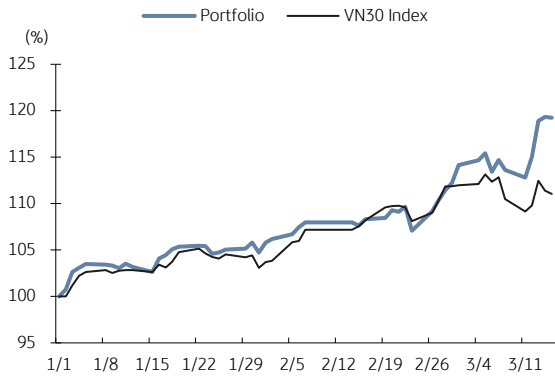
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.31%	-0.08%
Tăng lũy kế (YTD)	11.04%	19.23%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	37,800	-0.1%	46.8%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemadep (GMD)	01/03/2024	80,000	-0.7%	4.7%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	94,000	-1.1%	-4.3%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	69,000	4.4%	23.7%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	32,800	-0.3%	18.6%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	22,400	-1.3%	10.9%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	61,000	1.7%	11.1%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	44,200	-1.8%	5.4%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	76,900	-0.1%	11.8%	- Màng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	01/03/2024	99,500	-1.4%	10.1%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FTS	4.1%	29.7%	138.6
DIG	3.6%	5.6%	99.7
EIB	-0.6%	2.9%	69.8
DGW	4.4%	24.2%	43.9
EVF	2.7%	1.1%	43.9
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.8%	25.3%	-198.4
VHM	-1.2%	22.0%	-157.6
VND	1.1%	22.7%	-118.2
VNM	-1.2%	52.6%	-94.4
STB	0.2%	24.1%	-94.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.0%	17.2%	19.3
SHS	0.0%	10.2%	13.8
TIG	0.0%	10.6%	4.7
IDC	-0.8%	2.1%	3.3
NBC	0.8%	4.7%	0.9
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	0.5%	5.1%	-8.5
MBS	-0.3%	0.4%	-5.1
TNG	-1.3%	22.2%	-3.7
LAS	-0.5%	1.4%	-1.8
HMH	0.0%	1.5%	-1.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	10.1%	GVR, DGC, DPM, DCM
Cung cấp và dịch vụ thương mại	9.8%	TLG, ILB, APC, ST8
Đồ gia dụng	9.1%	TTF, GDT, EVE, SAV
Xây dựng và kỹ thuật	8.1%	DIG, HDG, VCG, PC1
Sản phẩm xây dựng	6.3%	VGC, BMP, SHI, DAG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-3.1%	SAB, BHN, SMB, SCD
Bảo hiểm	-2.3%	BVH, MIG, BIC, BMI
Tiện ích điện	-1.0%	PGV, NT2, PPC, TTA
Vận tải hàng không & Logistics	-0.9%	TMS, SCS, STG, ASG
Hàng không dân dụng	-0.9%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	28.5%	GVR, DGC, DPM, DCM
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	16.6%	TNH, JVC, VMD
Đồ gia dụng	14.9%	TTF, GDT, EVE, SAV
Chứng khoán	13.6%	SSI, VND, HCM, VCI
Tập đoàn công nghiệp	13.2%	REE, BCG, PET, EVG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-3.9%	VPG, TSC, BTT, TNA
Tiện ích điện	-2.0%	PGV, NT2, PPC, TTA
Hàng không dân dụng	-1.9%	VJC, HVN
Máy móc	-0.4%	TCH, HHS, SRF, SHA
Vật liệu xây dựng	-0.1%	HT1, PTB, GAB, ACC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	230,021 (9.3)	22.5	1,184.0	41.1	14.7	0.0	2.9	1.5	1.4	-3.4	-0.9	4.3	-0.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	384,023 (15.6)	26.6	5.2	4.9	35.9	17.1	15.9	0.9	0.8	-1.2	-0.4	1.1	-1.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	363,490 (14.8)	17.8	14.2	12.4	-7.6	10.9	11.1	1.5	1.4	-0.6	1.4	17.0	10.5
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	449,750 (18.3)	31.3	-	32.6	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	0.3	0.0	-5.7	-3.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	156,729 (6.4)	11.6	33.0	29.7	13.7	7.0	7.5	2.2	2.1	-0.8	2.1	18.3	18.5
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	213,716 (8.7)	13.9	39.7	25.0	-	2.9	4.3	1.2	1.2	1.1	1.4	-2.1	-5.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	170,445 (6.9)	6.3	14.9	13.5	11.7	19.3	18.1	2.6	2.2	-1.1	-1.2	4.6	17.1
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	102,219 (4.2)	12.7	13.8	11.4	-5.3	18.8	18.2	2.1	1.8	1.0	2.2	6.6	20.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	385,979 (15.7)	0.0	6.5	5.3	14.3	16.2	17.1	1.0	0.8	0.0	1.0	7.8	30.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	366,347 (14.9)	1.4	8.7	6.9	50.3	17.2	20.0	-	-	0.9	0.7	-0.7	28.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	296,190 (12.0)	0.0	10.6	7.4	18.8	10.5	13.2	1.0	0.9	-0.8	-1.8	-5.8	-2.9
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	587,058 (23.8)	0.0	5.6	4.8	14.6	21.3	20.1	1.2	1.0	1.5	0.8	-1.4	27.6
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	144,314 (5.9)	4.2	5.5	4.7	23.3	24.9	23.5	1.2	1.0	0.2	0.0	-2.7	13.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	659,188 (26.8)	14.0	7.2	4.1	26.5	19.5	25.1	1.0	0.8	0.2	-0.5	-2.4	9.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	310,511 (12.6)	0.0	7.1	5.5	37.4	16.7	18.5	1.1	1.0	0.3	1.1	-0.3	8.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	265,874 (10.8)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.6	0.8	-6.1	-2.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	29,880 (1.2)	21.0	18.7	-	15.8	7.8	-	-	-	-1.3	-3.0	4.4	9.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	7,115 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	2.7	4.5	9.9	14.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,010,520 (41.0)	55.4	25.2	-	-3.2	9.8	-	-	-	-0.1	2.7	7.7	15.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	390,920 (15.9)	71.9	33.1	24.5	-4.0	13.4	14.2	3.6	3.4	2.9	12.2	18.9	25.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	295,396 (12.0)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-1.2	0.0	4.8	19.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	760,413 (30.9)	27.2	20.3	15.3	36.3	10.7	11.8	1.8	1.8	1.1	0.2	2.4	5.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	371,076 (15.1)	42.1	16.9	14.8	4.0	28.9	29.8	4.7	4.8	-1.1	-1.7	1.8	1.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	93,658 (3.8)	36.9	17.6	16.6	7.3	17.2	16.7	2.8	2.7	-1.2	-3.3	-0.7	-7.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	417,073 (16.9)	16.5	49.9	24.0	-51.9	9.3	17.2	4.0	3.5	-0.5	0.0	21.0	17.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	17,295 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.2	0.2	3.4	-10.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	66,353 (2.7)	11.0	29.0	-	-88.5	11.5	-	-	-	0.7	-1.0	-1.7	-4.9
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	141,180 (5.7)	10.8	21.6	18.0	-57.0	13.2	14.6	2.6	2.4	-0.7	2.2	15.1	13.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	229,104 (9.3)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	0.3	-0.8	-3.4	7.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	460,995 (18.7)	37.7	33.2	16.3	-14.4	7.9	6.7	-	-	0.7	2.0	4.8	-2.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	171,440 (7.0)	3.6	26.0	22.6	-52.4	2.9	3.3	0.8	0.7	-0.1	11.4	14.8	11.8
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	65,285 (2.7)	0.0	10.5	9.0	-4.5	12.4	13.9	1.3	1.2	-0.5	1.4	9.8	12.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	122,231 (5.0)	46.1	16.7	14.3	-17.5	16.5	16.2	2.4	2.2	1.6	3.5	8.7	9.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	29,052 (1.2)	31.4	-	15.1	-10.5	1.1	12.7	1.9	1.9	-0.2	-4.4	-2.3	2.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,018 (0.1)	34.1	6.3	5.7	-5.1	16.4	17.5	-	-	0.0	0.4	-0.4	-7.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	985,242 (40.0)	18.0	13.7	9.9	21.9	11.5	14.6	1.5	1.4	-0.8	-0.7	4.9	7.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	122,529 (5.0)	36.5	16.9	18.9	-0.5	8.2	7.7	1.3	1.3	0.0	2.5	7.1	9.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	201,851 (8.2)	46.5	11.8	16.2	-4.5	15.6	15.1	1.9	1.9	-0.7	-1.1	4.4	9.6
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	265,424 (10.8)	38.9	13.7	8.5	67.9	9.3	16.3	1.2	1.1	-0.7	-1.3	-5.6	-3.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	48,047 (2.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.5	-1.8	-1.4	13.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	46,814 (1.9)	4.6	15.1	14.3	-51.0	11.8	11.7	1.8	1.7	0.8	2.3	6.7	9.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	229,462 (9.3)	39.9	19.4	13.6	-11.9	5.7	6.9	1.2	1.1	-0.3	6.5	14.7	15.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	120,196 (4.9)	35.9	8.3	6.8	2.2	16.2	16.5	1.2	1.1	0.9	8.0	8.8	10.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	588,833 (23.9)	0.0	23.2	12.2	14.4	9.4	14.4	2.7	2.4	0.2	-0.8	3.3	10.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	152,410 (6.2)	0.0	15.5	13.4	2.4	21.6	21.7	3.0	2.6	-0.8	3.1	9.5	15.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	19,945 (0.8)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.4	5.7	5.2	-7.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	105,203 (4.3)	30.3	61.7	28.5	-75.2	31.8	31.2	10.3	-	-4.5	0.7	17.2	37.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	43,972 (1.8)	34.6	20.7	-	41.2	11.7	-	-	-	4.1	9.1	13.5	23.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,068 (0.1)	45.4	14.7	-	10.7	19.9	-	-	-	-0.9	0.5	3.5	6.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	352,196 (14.3)	0.0	19.6	16.2	15.5	28.8	28.4	5.1	4.4	-0.9	5.5	11.5	20.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.